TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST Ngày: 19/4/2023 V/v : *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Sao Hôm.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đinh Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 19/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/01/2022 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXX-ST ngày 06/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 22/3/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị L , sinh năm 1983. Quê quán: Xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Đ , sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn Phí Gia, xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lưu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ từ ngày 01/3/2001 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Anh Đ thường xuyên xúc phạm, quát mắng và đánh đập chị và các con. Cuối năm 2022 chị đã bỏ ra ngoài thuê trọ sinh sống và đã cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế với anh Đ, hai bên không còn quan quan tâm đến nhau từ đó đến nay.

Nay chị xét thấy vợ chồng mâu thuẫn đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết

xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị Phương L1 , sinh năm 2001, Nguyễn Thị L2 , sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc Tiến Đ1 , sinh ngày 26/8/2011. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành, tự lập; cháu Đ1 hiện đang ở cùng anh Đ, do chị không có nhà ở, điều kiện kinh tế khó khăn nên chị tự nguyện để Anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đ1 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai, Anh Đ trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị L trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh có đánh chửi chị L. Chị L có quan hệ bất chính nhưng anh không có tài liệu chứng minh việc chị L có quan bệ bất chính. Anh xác định anh vẫn yêu chị L, muốn đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh bận việc nên không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh tại Công an xã Đ, ghi lời khai của bố đẻ anh Đ. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đến ngày xét xử 10/4/2023, Anh Đ đến Tòa án làm việc, Anh Đ xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, đã biết việc chị L xin ly hôn anh nhưng anh bận đi làm, không đến Tòa án làm việc và anh xin hoãn phiên tòa để động viên chị L về đoàn tụ, anh cam đoan không tiếp tục đánh chị L và sẽ chăm sóc chị L hẳn hoi.

Tại phiên tòa: Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Đ; chị tự nguyện để anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Tiến Đ1 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 cùng anh Đ 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đ vắng mặt và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Lân, xử cho chị L được ly hôn anh Đ. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cháu Nguyễn Ngọc Tiến Đ1 cho Anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi, chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 cùng Anh Đ 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Anh Đ vắng mặt và không có ý kiến gì.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Lưu Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lưu Thị L và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ là do vợ chồng không đồng cảm trong cuộc sống, sinh hoạt. Vợ chồng thường hay xảy ra xung đột, bất hòa, đánh cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2022 đến nay, không còn quan hệ tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến nhau. Anh Đ xác định đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc chị L xin ly hôn với anh, dù anh biết chị L xin ly hôn anh nhưng anh đều vắng mặt, bản thân anh cũng thừa nhận vợ chồng bắt đầu có mâu thuẫn từ tháng 10/2022, anh có đánh chửi chị L, vợ chồng anh không còn quan hệ tình cảm, kinh tế từ tháng 10/2022 đén nay. Suốt thời gian anh xin hoãn phiên tòa từ ngày 10/4 đến 19/4/2023, anh không có tác động nào nhằm động viên chị L về đoàn tụ, anh cũng không có mặt tại phiên tòa ngày 19/4/2023, chứng tỏ anh không còn thương yêu, lưu luyến đối với chị L. Qua ông Nguyễn Ngọc Đ2 và bà Vũ Thị H là bố mẹ đẻ anh Đ và qua thông tin chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng L - Đ đã sảy ra nhiều mâu thuẫn, đánh cãi nhau. Cháu Nguyễn Thị Phương L1 và cháu Nguyễn Ngọc Tiến Đ1 là con Anh Đ chị L cũng có lời khai: Quá trình chung sống, bố mẹ cháu thường xích mích, cãi cọ nhau, nhiều lần bố đánh mẹ, mẹ cháu về nhà bà ngoại sinh sống từ tháng 12/2022 đến nay.

Nay chị L xét thấy không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh Đ.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Chị L và anh Đ có ba con chung là Nguyễn Thị Phương L1 , sinh năm 2001, Nguyễn Thị L2 , sinh năm 2003 và Nguyễn Ngọc Tiến Đ1 , sinh ngày 26/8/2011. Cháu L1 và cháu L2 đã trưởng thành, tự lập; cháu Đ1 hiện đang ở cùng anh Đ, do chị L không có nhà ở, điều kiện kinh tế khó khăn nên chị tự nguyện để anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đ1 và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Xét chị L không có việc làm và thu nhập ổn định và hiện đang phải ở nhờ; Anh Đ đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ1, ông Đ2 và bà H là bố đẻ Anh Đ có lời khai xác định nếu Tòa án giao cháu Đ1 cho Anh Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng thì ông bà có trách nhiệm giúp Anh Đ chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ1; cháu Đ1 có lời khai xin được ở cùng anh Đ. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định tâm lý con trẻ, cần thiết giao cho Anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đ1 là phù hợp ý nguyện của cháu Đ1, phù hợp với yêu cầu của Anh Đ và chị L. Chị L cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh Đ 1.500.000đồng/tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi, là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và Anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh Đ và có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Đ nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc Đ .

3/ Về con chung: Giao cho anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Tiến Đ1 , sinh ngày 26/8/2011 đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 cùng anh Đ 1.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2023 đến khi cháu Đ1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2021/0002930 ngày 12/01/2023. Chị L còn phải nộp 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã Đồng Cẩm, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Trung